TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1594/2026/DS-PT
Ngày: 21/8/2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 21 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1018/2026/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2026 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2026/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4252/2026/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12409/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1960; số CCCD: 074160001532; địa chỉ: tổ E, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; số CCCD: 001075049343; địa chỉ: số B, Trần Quang K1, khu phố Đ, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1970; số CCCD: 074170005803; địa chỉ: tổ A, khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu K2, sinh năm 1998; số CCCD: 049098008188; địa chỉ: tổ G, thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ liên hệ: số A – 1054, tờ bản đồ số 47, đường số E, tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ

Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30/5/2025); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/01/2022, bà Đỗ Thị K cho bà Nguyễn Ngọc L vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng; hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 1,5%/tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền.

Đến ngày 26/01/2022, bà L tiếp tục vay thêm của bà K 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay bà L cam kết sẽ trả cùng thời hạn của khoản vay 2.500.000.000 đồng (tức ngày 06/01/2023); lãi suất của khoản vay thêm 1.000.000.000 đồng bà L cũng hứa trả là 1,5%/tháng. Đối với khoản vay này, bà K cho rằng có lập giấy vay nhưng đến ngày 26/01/2023, bà L trả 200.000.000 đồng và bà L có đề nghị bà K giao trả giấy vay tiền 1.000.000.000 đồng để viết lại giấy khác xác nhận còn nợ 800.000.000 đồng. Bà K đã giao lại giấy vay cho bà L, nhưng sau đó bà L không ghi lại giấy vay xác nhận số tiền còn nợ lại là 800.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà L vay là 3.500.000.000 đồng; bà L trả được 200.000.000 đồng tiền gốc. Về lãi, bà L trả lãi được khoảng 10 (mười) tháng, mỗi tháng là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng nhưng không trả trực tiếp bằng tiền mặt mà bà L trả cho bà K bằng hình thức chơi hụi. Cụ thể, bà L nói có mở các dây hụi (do bà L làm chủ) và kêu bà K tham gia, nếu chơi thì bà L sẽ dùng tiền lãi để đóng vào những dây hụi cho bà K. Bà K đồng ý và tham gia chơi một số dây hụi do bà L làm chủ. Quá trình chơi hụi, bà L có giao cho bà K số tiền 40.000.000 đồng, nhưng bà K không nhớ rõ thời gian giao và giao nhận trực tiếp không ký nhận. Sau đó, không thấy bà L giao trả tiếp thì bà K có hỏi và bà L trả lời tiền lãi đã đóng vào chơi hụi, do hụi chưa kết thúc nên chưa lấy tiền về được. Một thời gian sau thì bà L báo hụi bị bể và từ đó không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho bà K.

Theo thỏa thuận, tháng 4/2023 là thời điểm đến hạn trả gốc số tiền 3.300.000.000 đồng. Bà K nhiều lần yêu cầu thanh toán thì bà L tiếp tục hứa hẹn mà không thực hiện.

Bà Đỗ Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

1. Buộc bà Nguyễn Ngọc L phải trả nợ gốc là 3.300.000.000 đồng;

2. Buộc bà L phải thanh toán tiền lãi, mức lãi suất 1,5%/tháng cho từng giai đoạn của tổng số tiền cho vay 3.500.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày 26/01/2022, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể:

- Số tiền 3.500.000.000 đồng, từ ngày 26/01/2022 đến ngày 26/01/2023 là 365 ngày = 3.500.000.000 đồng x 15%/năm thành tiền 532.291.000 đồng - 40.000.000 đồng, còn lại số tiền lãi là 492.291.000 đồng.

- Ngày 26/01/2023 đã trả 200.000.000 đồng, tiền gốc còn lại 3.300.000.000 đồng; tiền lãi phải thanh toán từ ngày 26/01/2023 tạm tính đến ngày 12/10/2025 là 1.060 ngày x 15%/ năm x 1060 ngày = 1.457.500.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi bà L phải trả là 5.249.791.000 đồng.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Nguyên đơn dựa vào giấy vay tiền ghi ngày 06/01/2022 để khởi kiện, nhưng bị đơn xác định đây là giao dịch vay không xác định thời hạn thanh toán và không có lãi suất. Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn, bên cho vay phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý trước khi khởi kiện đòi nợ.

Về chứng cứ thông báo đòi nợ, vận đơn bưu điện mã số EH 825929694VN ngày 15/5/2025 thể hiện người gửi là bà Đỗ Thị K, người nhận là bà Nguyễn Ngọc L. Tuy nhiên, bà L khẳng định chưa nhận được thư và chưa ký nhận trên bất kỳ báo phát nào. Qua tra cứu trên hệ thống E, địa chỉ phát thư được ghi nhận tại "Đường T, Cụm K", trong khi địa chỉ thường trú và nơi cư trú thực tế của bà L là "Tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương". Do đó, nguyên đơn chưa thực hiện nghĩa vụ báo trước theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi nội dung thừa nhận: Bị đơn đã thanh toán được số tiền lãi là 52.500.000 đồng và 01 năm tiền lãi với số tiền 630.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn trả số nợ gốc là 3.300.000.000 đồng và tiền lãi còn lại là 1.380.000.000 đồng.

Đối với các nội dung khác, người đại diện của bị đơn đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và văn bản nêu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Về nội dung: Bị đơn chỉ thừa nhận chứng cứ là giấy vay tiền ngày 06/01/2022 và xác định đây là khoản vay không thời hạn, không lãi suất. Đối với khoản vay thêm 1.000.000.000 đồng, bị đơn hoàn toàn không thừa nhận và không đồng ý trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2026/DS-ST ngày 06/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị K đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

- Buộc bà Nguyễn Ngọc L thanh toán cho bà Đỗ Thị K số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 06/5/2026 là 4.680.000.000 đồng *(Bốn tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng)*, trong đó:

- Gốc là 3.300.000.000 đồng *(Ba tỷ ba trăm triệu đồng);*

- Tiền lãi là 1.380.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng).*

Ngoài ra, bà Nguyễn Ngọc L còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/5/2026 trên số nợ gốc, mức lãi suất đã thỏa thuận 15%/năm cho đến khi thanh toán xong toàn khoản nợ cho bà Đỗ Thị K.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và kèm theo là văn bản giải trình nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Ngọc L là ông Nguyễn Hữu K2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K2 theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn yêu cầu áp dụng Điều 469 của Bộ luật Dân sự để đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Xét, nguyên đơn có đơn khởi kiện bị đơn ngày 02/10/2025 và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vào ngày 04/11/2025. Theo bà K, hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là khoản vay có lãi và nguyên đơn chứng minh bằng các tin nhắn được ghi nhận tại Vi bằng số 142 ngày 16/3/2026 thể hiện nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ vay cho mình. Bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn, nên nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay bất cứ lúc nào do quyền và lợi ích của bà K đã bị xâm phạm theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, bị đơn yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà L và người đại diện hợp pháp của bà L yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện (chưa thông báo cho bị đơn theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự) và cho rằng khoản vay 2.500.000.000 đồng là khoản vay không có lãi, không kỳ hạn; không thừa nhận khoản vay 1.000.000.000 đồng và chỉ cung cấp chứng cứ là vận đơn bưu điện có mã EH 825929694VN ngày 15/5/2025 để chứng minh bị đơn không nhận được thông báo từ nguyên đơn. Ngoài chứng cứ trên, bị đơn không có ý kiến hay phản bác gì đối với các chứng cứ còn lại do nguyên đơn xuất trình và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là

người kháng cáo và người đại diện hợp pháp của bị đơn xin vắng mặt, cung cấp văn bản trình bày nội dung như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không cung cấp chứng cứ nào khác. Như vậy, bị đơn xin vắng mặt là quyền của bị đơn, tuy nhiên về nghĩa vụ chứng minh là của đương sự; những vấn đề Hội đồng xét xử phúc thẩm cần làm rõ cho nội dung kháng cáo nhưng bị đơn không có mặt để trình bày, chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ để xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn.

[4] Chứng cứ nguyên đơn khởi kiện bị đơn là "giấy vay tiền" ngày 06/01/2022, số tiền vay 2.500.000.000 đồng và các tin nhắn được nguyên đơn lập vi bằng theo Vi bằng số 142 ngày 23/6/2023 để chứng minh khoản vay 1.000.000.000 đồng; tổng số tiền vay còn lại là 3.300.000.000 đồng và mức lãi suất là 1,5%/tháng.

[5] Bị đơn thừa nhận chứng cứ là "giấy vay tiền" ngày 06/01/2022, số tiền vay 2.500.000.000 đồng nhưng cho rằng việc vay mượn không kỳ hạn và không thỏa thuận lãi suất, đồng thời không thừa nhận số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

[6] Xét, bị đơn cho rằng khoản vay 2.500.000.000 đồng không có thỏa thuận lãi suất 1,5% và không thừa nhận khoản vay 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo chứng cứ tin nhắn được ghi nhận tại trang 15 (hình 30 và 31) của Vi bằng, nội dung tin nhắn bị đơn thừa nhận có nhận số tiền vay 3.500.000.000 đồng và bị đơn trả lãi cho nguyên đơn 52.500.000 đồng (tương ứng lãi suất 1,5%), sau đó bị đơn đã thanh toán số tiền gốc 200.000.000 đồng. Như vậy, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với nguồn chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bị đơn không thừa nhận nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh hoặc phủ nhận nguồn chứng cứ do nguyên đơn xuất trình.

[7] Như vậy, khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn là khoản vay không có kỳ hạn và có lãi. Bị đơn vay của nguyên đơn tổng số tiền 3.500.000.000 đồng, trả nợ gốc được 200.000.000 đồng, còn nợ lại nguyên đơn số tiền nợ gốc 3.300.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 3.300.000.000 đồng là có căn cứ.

[8] Về lãi suất: Mức lãi suất các bên thỏa thuận 1,5%/tháng (tức 18%/năm) là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 15%/năm là có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận mức lãi suất trên để làm căn cứ tính lãi là có cơ sở. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.010.000.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã thanh toán là 630.000.000 đồng, buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi còn lại là 1.380.000.000 đồng là có căn cứ.

[9] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc L.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2026/DS-ST ngày 06/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 -Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0035485 ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (11), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết